

THÔNG BÁO
Điểm chuẩn trúng tuyển vào đại học chính quy năm 2026

Hội đồng tuyển sinh đại học Trường Đại học Thủ Dầu Một thông báo đến thí sinh về điểm trúng tuyển vào các ngành theo các phương thức tuyển sinh năm 2026, cụ thể như sau:

1. Điểm chuẩn trúng tuyển của các ngành ngành theo phương thức tuyển sinh

Stt	Tên ngành	Mã ngành (mã xét tuyển)	Điểm chuẩn trúng tuyển Theo các phương thức tuyển sinh			
			Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (Tổ hợp 3 môn, thang điểm 30)	Xét học bạ: Điểm trung bình các môn năm lớp 10, 11, 12 (Tổ hợp 3 môn, thang điểm 30)	Xét kết quả thi đánh giá năng lực Trường Đại học Sư phạm Hà Nội năm 2026 (Tổ hợp 3 môn, thang điểm 30)	Xét kết quả thi đánh giá năng lực Đại học Quốc gia TP. HCM năm 2026 (Thang điểm 1200)
1	Quản lý công nghiệp	7510601	21	22,5	22,5	840
2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	22,75	24,25	24,25	910
3	Quản trị kinh doanh	7340101	21	22,5	22,5	840
4	Marketing	7340115	21,5	23	23	860
5	Thương mại điện tử	7340122	21,5	23	23	860
6	Tài chính - Ngân hàng	7340201	22,25	23,75	23,75	890
7	Kế toán	7340301	22,75	24,25	24,25	910
8	Kiểm toán	7340302	21,5	23	23	860
9	Kinh doanh quốc tế	7340120	21	22,5	22,5	840
10	Truyền thông đa phương tiện	7320104	23,75	25,25	25,25	950
11	Âm nhạc	7210405	15	16,5	16,5	600
12	Du lịch	7810101	21,5	23	23	860
13	Thiết kế đồ họa	7210403	21,5	23	23	860
14	Huấn luyện thể thao	7810302	15	16,5	16,5	600
15	Kiến trúc	7580101	15	16,5	16,5	600
16	Kỹ thuật xây dựng	7580201	15	16,5	16,5	600
17	Công nghệ chế biến lâm sản	7549001	15	16,5	16,5	600
18	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	15	16,5	16,5	600
19	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	19,75	21,25	21,25	790
20	Kỹ thuật điện	7520201	20	21,5	21,5	800
21	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	21,5	23	23	860
22	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	20,75	22,25	22,25	830
23	Kỹ thuật cơ khí	7520103	20,75	22,25	22,25	830

Stt	Tên ngành	Mã ngành (mã xét tuyển)	Điểm chuẩn trúng tuyển Theo các phương thức tuyển sinh			
			Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (Tổ hợp 3 môn, thang điểm 30)	Xét học bạ: Điểm trung bình các môn năm lớp 10, 11, 12 (Tổ hợp 3 môn, thang điểm 30)	Xét kết quả thi đánh giá năng lực Trường Đại học Sư phạm Hà Nội năm 2026 (Tổ hợp 3 môn, thang điểm 30)	Xét kết quả thi đánh giá năng lực Đại học Quốc gia TP. HCM năm 2026 (Thang điểm 1200)
24	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	15	16,5	16,5	600
25	Kỹ thuật môi trường	7520320	15	16,5	16,5	600
26	Quản lý đất đai	7850103	15	16,5	16,5	600
27	Công nghệ sinh học	7420201	15	16,5	16,5	600
28	Hoá học	7440112	19	20,5	20,5	760
29	Công nghệ thực phẩm	7540101	15	16,5	16,5	600
30	Vật lý học	7440102	22	23,5	23,5	880
31	Công nghệ vật liệu	7510402	15	16,5	16,5	600
32	Ngôn ngữ Anh	7220201	22	23,5	23,5	880
33	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	21,5	23	23	860
34	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	16	17,5	17,5	640
35	Công nghệ thông tin	7480201	18,25	19,75	19,75	730
36	Kỹ thuật phần mềm	7480103	20,75	22,25	22,25	830
37	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	7480205	18,75	20,25	20,25	750
38	Luật	7380101	22	23,5	23,5	846
39	Quản lý nhà nước	7310205	20,75	22,25	22,25	830
40	Quan hệ quốc tế	7310206	20,25	21,75	21,75	810
41	Công tác xã hội	7760101	22	23,5	23,5	880
42	Giáo dục học	7140101	22,75	24,25	24,25	910
43	Toán học	7460101	25,5	27	27	1020
44	Tâm lý học	7310401	22,5	24	24	900
45	Công nghệ giáo dục	7140103	15,75	17,25	17,25	630
46	Tâm lý học giáo dục	7310403	21,75	23,25	23,25	870
47	Sư phạm Ngữ văn	7140217	23,96	Không xét	Không xét	Không xét
48	Sư phạm Lịch sử	7140218	25,1	Không xét	Không xét	Không xét
49	Sư phạm Toán học	7140209	25,89	Không xét	Không xét	Không xét
50	Giáo dục Tiểu học	7140202	24,83	Không xét	Không xét	Không xét
51	Giáo dục Mầm non	7140201	22,99	Không xét	Không xét	Không xét

(1) Điểm trúng tuyển không quy định điểm chênh lệch giữa các tổ hợp môn (tất cả các tổ hợp môn được áp dụng chung một mức điểm).

(2) Điểm trúng tuyển trên là điểm không nhân hệ số và chưa tính điểm cộng, điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng (Thí sinh cộng điểm cộng, điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (nếu có) vào tổng tổng điểm 03 môn thang điểm 30 hoặc tổng điểm bài thi đánh giá

năng lực theo thang điểm 1.200 của thí sinh, nếu bằng hoặc cao hơn điểm chuẩn trúng tuyển của Trường Đại học Thủ Dầu Một công bố là thí sinh trúng tuyển).

Ví dụ: Xét theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026, điểm trúng tuyển ngành Luật là 22 điểm. Thí sinh A có:

- Tổng điểm 03 môn: 21,50 điểm
 - Điểm cộng: 0,50 điểm
 - Điểm ưu tiên khu vực: 0,75 điểm
 - Điểm ưu tiên đối tượng: 0 điểm
- Tổng điểm xét tuyển = 21,50 + 0,50 + 0,75 = 22,75 điểm > 22 điểm (điểm chuẩn)
 Vì vậy, thí sinh trúng tuyển ngành Luật.

2. Tra cứu kết quả trúng tuyển

Thí sinh trúng tuyển Nhà trường sẽ thông báo bằng tin nhắn SMS tới số điện thoại mà thí sinh đã đăng ký trên hệ thống. Thí sinh tra cứu kết quả trúng tuyển theo 1 trong 2 cách như sau:

Tra cứu kết quả trúng tuyển tại địa chỉ:
<https://dkmh.tdmu.edu.vn/#/tracuxnnhoc>

Hoặc quét mã QR này để
 tra cứu kết quả trúng tuyển



3. Hướng dẫn thủ tục nhập học

Thí sinh trúng tuyển thực hiện làm thủ tục nhập học từ ngày 14/8/2026 đến 17h00 ngày 21/8/2026. Quá thời hạn này, thí sinh không làm thủ tục nhập học được hiểu là từ chối nhập học, kết quả trúng tuyển không còn giá trị.

Xem hướng dẫn nhập học tại địa chỉ:
<https://tdmu.dev/nhD26>

Hoặc quét mã QR này để
 xem dẫn nhập học



Thông tin liên hệ:

BAN TUYỂN SINH VÀ TRUYỀN THÔNG – TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

+ Địa chỉ: Số 6, đường Trần Văn Ôn, phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Website: <http://tuyensinh.tdmu.edu.vn> Email: tuyensinh@tdmu.edu.vn

+ Điện thoại: 0274.3835.677 - 0274.3844.340 - 0274.3844.341 – 0911.022.322

+ Fanpage: <https://www.facebook.com/dhtdm2009>

+ OA Zalo: <https://zalo.me/tdmu2009>

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Trường;
- Hội đồng tuyển sinh đại học;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc trường;
- Website Trường;
- Lưu: VT, BTS&TT(3).

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
 CHỦ TỊCH



Ngô Hồng Diệp